

<b>PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT</b> <b>CLORUA KALI</b>	
---	---

Số CAS : 7447-40-7 Số UN : # Số đăng ký EC :231-221-8 Số chỉ thị nguy hiểm : Số đăng ký danh mục quốc gia khác: chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại HMIS (U.S.A) - Nguy hiểm đến sức khỏe : 3 - Nguy hiểm về cháy : 0 - Độ hoạt động : 0 - Biện pháp bảo vệ cá nhân : E	
--	--

**SECTION 1: CHEMICAL PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION**

<b>Tên thường gọi :</b> Clorua kali, Kali chloride	<b>Mã hiệu :</b>
<b>Tên thương mại:</b> MOP, muriate of potash	
<b>Tên IUPAC :</b> Potassium chloride	
<b>Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu:</b> <b>Công ty TNHH Một thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</b> Địa chỉ:22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận I, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (84.8)38223484, 38225373, 38296620 Fax: (84.8)38243166	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : <b>1.Công ty TNHH Một thành viên Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</b> Địa chỉ:22 Lý Tự Trọng , phường Bến Nghé, quận I, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (84.8)38223484, 38225373, 38296620 Fax: (84.8)38243166 <b>2. Nhà máy Hoá chất Đồng Nai</b> Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel:(84.61) 3836197 Fax: (84.61) 3836198.
<b>Mục đích sử dụng :</b> Sản xuất phân bón, công nghiệp vi sinh , phụ gia thực phẩm, dược phẩm trong các loại vật liệu nổ, diêm, pháo hoa, thuốc trừ sâu,...	

**II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Clorua kali	7447-40-7	KCl	99 - 100

**III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**

**1 – Mức xếp loại nguy hiểm:**  
 R36: kích thích mắt  
 S 22, 24, 25, 26, 36

**2 – Cảnh báo nguy hiểm :**  
 - Nuốt phải số lượng nhiều có hại cho sức khoẻ.

**3 – Các đường tiếp xúc và triệu chứng:**  
 Đường mắt : kích thích mắt, đỏ .  
 Đường da : kích thích da.  
 Đường thờ : có thể ngộ độc tăng kali máu (thường không đặc hiệu, gồm cảm giác khó chịu, đánh trống ngực , yếu cơ , khó thở nhẹ , rối loạn nhịp tim , đột tử ).  
 Đường tiêu hóa : có thể gây ngộ độc tăng kali máu ( thường không đặc hiệu, gồm cảm giác khó chịu, đánh trống ngực , yếu cơ , khó thở nhẹ , rối loạn nhịp tim , đột tử ).

#### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1 – Tiếp xúc theo đường mắt:** rửa ngay mắt với nhiều nước trong vài phút (tháo kính sát trùng nếu lấy dễ dàng) .
- 2 – Tiếp xúc trên da:** rửa sạch với nước.
- 3 – Đường hô hấp:** đưa đến nơi không khí sạch, nghỉ ngơi . Phải đưa ngay đến bác sỹ, khi có khó thở, rối loạn nhịp tim.
- 4 – Đường tiêu hóa:** nuốt lượng nhỏ có thể không nguy hại , nhưng số lượng lớn thì phải làm nôn ra . Nếu có khó thở, rối loạn nhịp tim phải đưa ngay đến bác sỹ .

#### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1 – Xếp loại về tính cháy :** không cháy.
  - 2 – Sản phẩm tạo ra khi cháy :** chưa có thông tin.
  - 3 – Các tác nhân gây cháy nổ :** không có.
- Các chất dập cháy thích hợp :** khi chung quanh có cháy, sử dụng tất cả tác nhân để dập tắt lửa.
- Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ :** không để nước chữa cháy có KCl chảy vào hệ thống nước mặt, nước ngầm .

#### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1 – Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ :**  
Ngăn chặn sự phát sinh tràn đổ, rò rỉ. Quét dọn ( có thể phun sương nước ) , thu gom lượng KCl rơi vãi vào chỗ chứa chất thải . Làm sạch chỗ nhiễm bẩn.
  - 2 – Khi tràn đổ , rò rỉ lớn ở diện rộng :**  
Xử lý như ở mức nhỏ, tuy nhiên phải báo cho người có trách nhiệm biết khi có nguy cơ phát tán hoá chất vào môi trường .
- Lưu ý :**
- Thao tác tránh phát sinh bụi, phải sử dụng khẩu trang hoặc mặt nạ lọc bụi hoá chất.
  - Tránh gây ô nhiễm cống thải, sông, suối và phải thông tin cho chánh quyền biết trong trường hợp sự cố làm nhiễm bẩn sông suối.

#### VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1 – Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng thao tác :**  
Tránh tiếp xúc trực tiếp, sử dụng trang bị bảo vệ cá nhân thích hợp ( kính che mắt, khẩu trang, bao tay ... )  
Tránh làm phát sinh bụi, phải thông gió , hút bụi khi thao tác .
- 2 – Biện pháp , điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**  
Bao bì phải bền, kín . Không để chung với các chất xung khắc. Không để lẫn với thực phẩm và các đồ ăn uống .  
Nơi chứa phải thoáng, khô ráo, có dấu hiệu hoá chất .

#### VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1 – Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:**
  - Khi vào kho phải làm thông thoáng kho. Tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân, tránh làm phát sinh bụi , không ăn uống hút thuốc khi làm việc.
  - Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.
- 2 – Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc :**
  - Bảo vệ mắt : kính che mắt.
  - Bảo vệ đường thở : khẩu trang lọc bụi hoá chất, mặt nạ lọc bụi hoá chất.
  - Bảo vệ thân thể : quần áo .
  - Bảo vệ tay : găng cao su, nhựa không thấm nước.
  - Bảo vệ chân : giày , ủng không thấm nước.
- 3 – Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:**
  - Phương tiện bảo hộ cá nhân thích hợp.
  - Thông gió cưỡng bức

<b>4 – Các biện pháp vệ sinh :</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng nhiều nước dội vào chỗ bám KCl .</li> <li>• Rửa chỗ tiếp xúc với KCl bằng nước .</li> </ul>	

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý : tinh thể rắn	Điểm sôi : 1500°C
Màu sắc : không màu hoặc màu trắng	Điểm nóng chảy : 776°C
Mùi đặc trưng : không mùi	Điểm bùng cháy : không phù hợp
Áp suất hơi : không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy : không phù hợp
Tỷ trọng hơi : không phù hợp	Giới hạn nồng độ cháy nổ trên: không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: 34g/100ml ở 20°C	Giới hạn nồng độ cháy nổ dưới: không phù hợp
Độ pH dd 10% : 6,5 - 7	Tỷ lệ hóa hơi : chưa thông tin
Khối lượng riêng : 1,99 kg/dm <sup>3</sup> ở 20°C	

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

<b>1 – Tính ổn định :</b>	
- Bền trong điều kiện thường, dễ hút ẩm .	
<b>2 – Khả năng phản ứng :</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phản ứng phân hủy:</li> <li>• Phản ứng nguy hiểm: Phản ứng với chất axit mạnh sinh khí HCl.</li> <li>• Các chất xung khắc : Chất oxy hoá mạnh, axit mạnh .</li> <li>• Phản ứng trùng hợp : không có .</li> </ul>	

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
KCl	LD 50	2430 mg/kg	Miệng	Chuột
	LC 50	660 mg/kg	Trong bụng	Chuột
	LD 50	100 mg/kg	Tiêm tĩnh mạch	Chuột
	LDLO	20 mg/kg	Miệng	
	LDLO	938 mg/kg /2 ngày	Miệng	

<b>Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp</b>
TCVN 5938 2005 : không quy định
BYT (3733/2002) : không quy định

<b>1 - Các ảnh hưởng mãn tính với người :</b> KCl là chất không gây ung thư.
<b>2 – Các ảnh hưởng độc khác :</b> KCl ảnh hưởng đến hoạt động của hệ tim , nồng độ cao trong máu làm ngừng tim và làm chết nhanh .

### XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

<b>1 – Độc tính với sinh vật</b>			
Thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
KCl			Chưa có thông tin

<b>2 – Tác động với môi trường :</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kali là khoáng chất cần thiết trong khẩu phần dinh dưỡng thực vật .</li> <li>- KCl được sử dụng làm phân bón nông nghiệp .</li> <li>- KCl ở nồng độ cao có khả năng giết chết động thực vật .</li> <li>- Mức độ phân hủy sinh học : chưa có thông tin</li> <li>- Chỉ số BOB và COD : chưa có thông tin</li> <li>- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học : chưa có thông tin</li> <li>- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học : chưa có thông tin</li> </ul>	

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

#### 1 – Thông tin quy định tiêu hủy :

- TCVN 5945 2005 : - Cột A chỉ tiêu nước thải tổng Cl = 500 mg/l.  
- Cột C chỉ tiêu nước thải tổng Cl = 1000 mg/l.

#### 2 – Xếp loại nguy hiểm của chất thải:

- QĐ 23/2006/QĐ-BTNMT : Mã chất thải : 02 10 01
- Mã EC : 06 10 02
- Mã Basel A : A 4090 Mã Basel Y : Y 34
- Tính chất nguy hại chính : Đ , ĐS

#### 3 – Biện pháp tiêu hủy :

- Xử lý thành phân bón nông nghiệp .
- Một lượng nhỏ có thể đổ vào cống với thật nhiều nước nếu quy định về nước thải

#### 4 – Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Phân bón nông nghiệp.

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
UN						Không quy định
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						Không quy định
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						Chưa thông tin

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1 – Tình trạng khai báo , đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : không

2 – Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo đăng ký: không.

### XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu : 31/12/2007

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 07/3/2012

Tên tổ chức cá nhân soạn thảo : Công ty TNHH một thành viên hoá chất Cơ bản Miền Nam

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc